

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
SỐ 14/2005/QĐ-BKHCN NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 2005 BAN HÀNH
QUY ĐỊNH XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ HỢP TÁC
QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/1/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Pháp chế và Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Xây dựng và Quản lý các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Ông Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Đình Tiến

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CÁC NHIỆM VỤ HỢP TÁC
QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ

*(Kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHCN, ngày 08 tháng 9 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho các nhiệm vụ hợp tác về khoa học và công nghệ giữa các tổ chức khoa học và công nghệ và các doanh nghiệp của Việt Nam với các đối tác nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (hoặc đại diện cơ quan có thẩm quyền được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ uỷ quyền) ký kết trong các nghị định thư (dưới đây gọi là Nhiệm vụ Nghị định thư).

2. Nghị định thư trong Quy định này gồm:

- a) Các văn bản cam kết, thoả thuận của lãnh đạo Nhà nước với các đối tác nước ngoài và giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện,
- b) Các biên bản khoá họp của các Uỷ ban, Tiểu ban hỗn hợp, thông báo chính thức của các điều phối viên về hợp tác khoa học và công nghệ giữa Việt Nam với các nước,
- c) Các văn bản thoả thuận được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc đại diện cơ quan có thẩm quyền được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ uỷ quyền ký kết với các đối tác nước ngoài,
- d) Các biên bản cuộc họp các Uỷ ban chuyên trách về khoa học và công nghệ của các tổ chức hợp tác đa phương mà Việt Nam là thành viên.

Điều 2. Mục tiêu của các Nhiệm vụ Nghị định thư

Các Nhiệm vụ Nghị định thư có các mục tiêu sau đây:

1. Hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước giải quyết các vấn đề khoa học quan trọng, phục vụ phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế;

2. Hỗ trợ các nhà khoa học trong nước tiếp cận nhanh với các nghiên cứu khoa học mà các nước đã hoặc đang tiến hành nhằm rút ngắn thời gian nghiên cứu trong nước hoặc giúp giải quyết các vấn đề nghiên cứu mà trong nước đang gặp khó khăn;

3. Tranh thủ thông tin, bí quyết công nghệ, đặc biệt là công nghệ nguồn và công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên từ nước ngoài nhằm tiếp thu và cải tiến công nghệ, góp phần nâng cao sức cạnh tranh cho các sản phẩm trong nước;

4. Tranh thủ sự hỗ trợ về đầu tư trang thiết bị khoa học tiên tiến của nước ngoài nhằm nâng cao hạ tầng cơ sở nghiên cứu của các cơ quan khoa học trong nước, hoặc nhằm phân tích các mẫu phức tạp mà trong nước chưa có điều kiện thực hiện;

5. Hỗ trợ nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế;

6. Hỗ trợ hợp tác khoa học và công nghệ với các đối tác hữu nghị truyền thống và đặc biệt của Việt Nam, mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế của cộng đồng khoa học và công nghệ Việt Nam với khu vực và thế giới, tham gia với tư cách là một bộ phận quan trọng trong hoạt động đối ngoại của đất nước.

Điều 3. Các nguồn hình thành Nhiệm vụ Nghị định thư

1. Các cam kết, thoả thuận của lãnh đạo Nhà nước với các đối tác nước ngoài và giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện.

2. Các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm thuộc các chương trình khoa học và công nghệ và đề tài, dự án độc lập cấp Nhà nước có nhu cầu hợp tác quốc tế trong việc tìm kiếm đối tác hay thực hiện một số nội dung hợp tác nghiên cứu chung.

3. Các nhiệm vụ nhằm khai thác thế mạnh, kinh nghiệm của các nước để giải quyết những vấn đề cấp bách của Việt Nam (thiên tai, dịch hoạ, ...).

4. Các đề xuất của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi là cơ quan chủ quản), tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhằm phát triển khoa học và công nghệ trong nước.

5. Các đề xuất của các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức khoa học và công nghệ và các nhà khoa học nước ngoài.

6. Một số nguồn đề xuất khác.

Chương II XÂY DỰNG VÀ XÉT DUYỆT KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

Điều 4. Xây dựng Nhiệm vụ Nghị định thư

1. Theo tiến độ xây dựng kế hoạch hàng năm, căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của đất nước, kế hoạch 5 năm về phát triển khoa học và công nghệ, yêu cầu thực tiễn và các nguồn hình thành quy định tại Điều 3 của Quy định này, các cơ quan chủ quản, các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp đề xuất các nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trên cơ sở các nhiệm vụ được đề xuất quy định tại Khoản 1 của Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, tổng hợp, hỗ trợ tìm đối tác nước ngoài (khi có yêu cầu), tiến hành đàm phán và ký kết trong các nghị định thư.

3. Các Nhiệm vụ Nghị định thư sau khi được đàm phán và ký kết sẽ được thông báo cho các cơ quan chủ quản, các cơ quan chủ trì nhiệm vụ (tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp) và các cơ quan liên quan để bố trí vào kế hoạch và tổ chức thực hiện.

4. Các cơ quan chủ trì Nhiệm vụ Nghị định thư có trách nhiệm thoả thuận cụ thể, đảm bảo về nội dung, kế hoạch và điều kiện thực hiện với đối tác nước ngoài để triển khai nhiệm vụ.

Điều 5. Xét duyệt kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học để triển khai Nhiệm vụ Nghị định thư

1. Theo tiến độ xây dựng kế hoạch hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ kinh phí đối ứng từ ngân sách sự nghiệp khoa học cho một số Nhiệm vụ Nghị định thư theo phương thức giao trực tiếp.

2. Những Nhiệm vụ nghị định thư có nội dung sau đây được ưu tiên xem xét hỗ trợ kinh phí đối ứng:

a) Nhiệm vụ do lãnh đạo Nhà nước thoả thuận với các đối tác nước ngoài và giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện;

b) Nhiệm vụ góp phần giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ có tính mới, tính tiên tiến, đang được quan tâm trong nước nhưng chưa triển khai nghiên cứu hoặc nghiên cứu chưa có kết quả;

c) Nhiệm vụ tranh thủ được nhiều sự hỗ trợ của nước ngoài để nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ cho các tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam về tri thức khoa học, bí quyết công nghệ, trang thiết bị khoa học tiên tiến, đào tạo, chuyển giao kết quả nghiên cứu;

d) Nhiệm vụ tranh thủ được nhiều sự hỗ trợ của các nước để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, góp phần tăng cường năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp Việt Nam ;

đ) Nhiệm vụ có đối tác nước ngoài là các cơ sở khoa học và công nghệ tiên tiến, có tầm cỡ quốc tế và chủ nhiệm Nhiệm vụ có uy tín quốc tế cao.

3. Hồ sơ xét duyệt kinh phí đối ứng cho Nhiệm vụ Nghị định thư gồm:

a) Công văn của Cơ quan chủ quản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí đối ứng từ ngân sách sự nghiệp khoa học cho Nhiệm vụ;

b) Thuyết minh chi tiết về Nhiệm vụ Nghị định thư theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này;

c) Các văn bản có liên quan (có thể đóng thành một quyển) gồm:

- Nghị định thư phê duyệt nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Quy định này;

- Văn bản ký kết, thoả thuận giữa cơ quan chủ trì Việt Nam với đối tác nước ngoài về nội dung, kế hoạch và điều kiện triển khai thực hiện Nhiệm vụ;

- Các công văn, giấy tờ có liên quan khác.

4. Thủ tục xét duyệt hỗ trợ kinh phí cho Nhiệm vụ Nghị định thư:

a) Căn cứ vào các quy định tại Khoản 2 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Danh mục các Nhiệm vụ Nghị định thư được hỗ trợ kinh phí đối ứng từ ngân sách sự nghiệp khoa học;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức các Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước để tư vấn, đánh giá và xét duyệt nội dung các nhiệm vụ được phê duyệt trong Danh mục quy định tại Mục a, Khoản 4 của Điều này (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn xét duyệt).

Phương thức và quy trình làm việc của Hội đồng tư vấn xét duyệt các Nhiệm vụ Nghị định thư được vận dụng theo “Quy định về phương thức làm việc của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tư vấn tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước” được ban hành kèm theo Quyết định số 17/2003/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ

Khoa học và Công nghệ. Tiêu chí và thang điểm đánh giá thuyết minh các Nhiệm vụ Nghị định thư được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Quy định này.

c) Căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xét duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định nội dung và dự toán kinh phí của các nhiệm vụ, tổng hợp và phê duyệt tổng kinh phí hỗ trợ, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm các Nhiệm vụ Nghị định thư.

d) Sau khi có quyết định phê duyệt tổng kinh phí hỗ trợ quy định tại Mục c, Khoản 4 của Điều này, các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ Nghị định thư được phê duyệt có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh Thuyết minh nhiệm vụ theo biên bản thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, trình Cơ quan chủ quản và Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ CÓ SỬ DỤNG KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC

Điều 6. Phương thức thực hiện Nhiệm vụ Nghị định thư

1. Nhiệm vụ Nghị định thư được bố trí trong kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của các cơ quan chủ quản và được thực hiện theo hợp đồng ký giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ quản với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Quy định này. Bản Thuyết minh Nhiệm vụ đã được phê duyệt là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ uỷ quyền cho cơ quan chủ quản quyết định việc cử các đoàn cán bộ khoa học Việt Nam ra nước ngoài, đón các đoàn cán bộ khoa học nước ngoài vào Việt Nam, tổ chức hội nghị và hội thảo theo kế hoạch đã ghi trong hợp đồng đã ký.

3. Trong trường hợp cần thay đổi nội dung hợp tác quốc tế (đặc biệt là nội dung của các đoàn ra) hoặc các nội dung nghiên cứu quan trọng khác dẫn đến sự thay đổi về dự toán kinh phí, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ Nghị định thư phải gửi văn bản đề nghị cơ quan chủ quản và Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và có ý kiến bằng văn bản. Văn bản trả lời của cơ quan chủ quản và Bộ Khoa học và Công nghệ phải được lưu vào hồ sơ nhiệm vụ.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đối với việc thực hiện và quản lý Nhiệm vụ Nghị định thư

1. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ theo những cam kết trong hợp đồng.
2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ cho cơ quan chủ quản và Bộ Khoa học và Công nghệ về tiến độ triển khai thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của Nhiệm vụ.
3. Đăng ký kết quả của Nhiệm vụ Nghị định thư với Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nghiên cứu và công bố kết quả khoa học và công nghệ đạt được trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và theo cam kết với đối tác nước ngoài.
4. Tổ chức hạch toán, quyết toán kinh phí thực hiện Nhiệm vụ Nghị định thư theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về tài chính; sử dụng kinh phí Nhà nước hỗ trợ theo đúng mục đích, đúng chế độ và thanh quyết toán kinh phí theo đúng dự toán đã được phê duyệt; nộp lại ngân sách Nhà nước các khoản chi không đúng theo dự toán phê duyệt và không theo các chế độ tài chính hiện hành.

Điều 8. Kiểm tra tiến độ thực hiện Nhiệm vụ Nghị định thư

1. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Cơ quan chủ quản và các cơ quan khác có liên quan định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) tiến hành kiểm tra tiến độ thực hiện các nội dung, tình hình sử dụng kinh phí và những vấn đề liên quan khác của các Nhiệm vụ Nghị định thư. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản và phải được lưu vào hồ sơ nhiệm vụ.
2. Căn cứ kết quả kiểm tra, khi cần thiết Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc có thể đình chỉ việc thực hiện Nhiệm vụ Nghị định thư.

Điều 9. Đánh giá nghiệm thu Nhiệm vụ Nghị định thư

1. Khi kết thúc Nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức tiến hành việc đánh giá và nghiệm thu các Nhiệm vụ Nghị định thư có sử dụng kinh phí đối ứng từ ngân sách sự nghiệp khoa học.
2. Chủ nhiệm Nhiệm vụ và Cơ quan chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm nộp mười ba (13) bộ hồ sơ đánh giá cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tiến hành tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước (gọi tắt là Hồ sơ đánh giá), trong đó có ít nhất một (01) bộ gốc.
3. Hồ sơ đánh giá gồm:

- a) Công văn của Cơ quan chủ quản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước đối với Nhiệm vụ Nghị định thư;
- b) Hợp đồng (bao gồm cả các phụ lục và Thuyết minh nhiệm vụ);
- c) Những tài liệu và sản phẩm khoa học và công nghệ của Nhiệm vụ với số lượng và yêu cầu như đã quy định trong Hợp đồng;
- d) Các báo cáo định kỳ của Chủ nhiệm và Cơ quan chủ trì Nhiệm vụ và các biên bản kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ quản;
- đ) Bản vẽ thiết kế, quy trình công nghệ (nếu có), các số liệu điều tra - khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của Nhiệm vụ;
- e) Báo cáo về kết quả thử nghiệm hoặc ứng dụng các sản phẩm khoa học và công nghệ của Nhiệm vụ (thiết bị, công nghệ, quy trình công nghệ, ...), ý kiến nhận xét của người sử dụng và/hoặc các tài liệu về đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm khoa học và công nghệ của Nhiệm vụ của các cơ quan đo lường, thử nghiệm có thẩm quyền;
- g) Báo cáo tổng hợp quyết toán tài chính của Nhiệm vụ;
- h) Báo cáo của Chủ nhiệm đề tài đánh giá về các nội dung hợp tác trong Nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Quy định này;
- i) Báo cáo nhận xét đánh giá của đối tác nước ngoài, trong đó chú trọng đến các nội dung hợp tác, quá trình hợp tác thực hiện Nhiệm vụ và một số vấn đề liên quan đến kết quả Nhiệm vụ;
- k) Văn bản kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở.

4. Sau khi nhận được hồ sơ đánh giá, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước để tư vấn đánh giá nghiệm thu các Nhiệm vụ Nghị định thư (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn nghiệm thu).

Đối với Nhiệm vụ Nghị định thư thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ, phương thức, quy trình làm việc, trách nhiệm của Hội đồng tư vấn nghiệm thu và của cá nhân tham gia đánh giá nghiệm thu, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ được thực hiện theo Quyết định số 13/2004/QĐ-BKHHCN, ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định đánh giá nghiệm thu Đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước”. Tiêu chí và thang điểm đánh giá nghiệm thu các Nhiệm vụ Nghị định thư được thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Quy định này.

Đối với Nhiệm vụ Nghị định thư thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, mọi thủ tục liên quan đến đánh giá, nghiệm thu được thực hiện theo Quyết định số

01/2005/QĐ-BKHHCN, ngày 28 tháng 2 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp Nhà nước”.

5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá kết quả Nhiệm vụ Nghị định thư được Bộ Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ trì nhiệm vụ phân loại, lưu trữ và bảo quản theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 10. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Bộ Khoa học và Công nghệ và Cơ quan chủ quản của Nhiệm vụ Nghị định thư tiến hành thanh lý hợp đồng theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Quy định này với đại diện của Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm Nhiệm vụ Nghị định thư sau khi thực hiện xong các công đoạn sau đây:

1. Có kết quả đánh giá nghiệm thu của Hội đồng tư vấn nghiệm thu;
2. Có xác nhận báo cáo kết quả nghiên cứu đã giao nộp cho Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
3. Các sản phẩm của Nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện Nhiệm vụ đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành.

Phụ lục I

MẪU ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHCN, ngày 08/9/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ (*)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ			
1	Tên nhiệm vụ		
2	Thời gian thực hiện.....tháng (Từ tháng...../.....đến tháng...../.....)	3	Cấp quản lý
		NN	Bộ, Tỉnh CS
4	Thuộc Chương trình, Đề tài độc lập cấp nhà nước (nếu có)		
5	Dự kiến đưa vào Nghị định thư với (nước):		
Khóa hợp ngày.....tháng.....năm..... tại....			
6	Họ tên chủ nhiệm phía Việt Nam :		
• Học hàm, học vị, chuyên môn :			
• Chức danh khoa học:			
• Điện thoại cơ quan:			
• Điện thoại nhà riêng:			
• Điện thoại di động:			
• Email:			

- Địa chỉ cơ quan:
- Địa chỉ nhà riêng:

7 Cơ quan chủ trì Việt Nam :

- Cơ quan chủ trì:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:

8 Đề xuất chủ nhiệm đối tác nước ngoài (nếu có):

- Học hàm, học vị, chuyên môn :
- Chức danh khoa học:
- Điện thoại cơ quan:
- Điện thoại nhà riêng:
- Điện thoại di động:
- Email:
- Tóm tắt lý lịch khoa học của chủ nhiệm đối tác (có thể có phụ lục kèm theo):

9 Đề xuất cơ quan đối tác nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Website:
- Tóm tắt về năng lực khoa học và công nghệ của cơ quan đối tác nước ngoài (có thể có phụ lục kèm theo):

10	Xuất xứ thỏa thuận đã có với đối tác nước ngoài (nếu có):
1	Thời gian ký kết thỏa thuận:
2	Cấp ký kết thỏa thuận:
3	Các nội dung thỏa thuận chính:
-	
-	

II. NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA NHIỆM VỤ

11	Tầm quan trọng của nhiệm vụ đối với Việt Nam :
	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước về lĩnh vực của nhiệm vụ (quá trình thực hiện, thuận lợi, khó khăn và kết quả đến thời điểm đàm phán với đối tác nước ngoài): <p>+)</p> <p>+)</p> <p>Tổng quan tình hình nghiên cứu của cơ quan chủ trì Việt Nam về lĩnh vực của nhiệm vụ (quá trình thực hiện, thuận lợi, khó khăn và kết quả đến thời điểm đàm phán với đối tác nước ngoài):</p> <p>+)</p> <p>+)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá tầm quan trọng của Nhiệm vụ đối với Việt Nam (mục tiêu, khả năng ứng dụng, tiềm năng thị trường, ...): <p>+)</p> <p>+)</p>

12	Dự kiến những nội dung nghiên cứu chính trong nước:
	(Liệt kê và mô tả những nội dung cần nghiên cứu, nêu bật được những nội dung mới và phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra, kể cả những dự kiến hoạt động phối hợp để

chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng)

.....

.....

13 Dự kiến những nội dung hợp tác với đối tác nước ngoài:
(Liệt kê và mô tả những nội dung dự kiến hợp tác với đối tác nước ngoài trong quá trình thực hiện nhiệm vụ)

-
-

III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ

14 Dạng kết quả của Nhiệm vụ

TT	Tên nội dung sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu trưng tự		
				Trong nước	Thế giới	
i	ii	iii	iv	v	vi	vii
1						
2						
...	...					

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

15 Nguồn kinh phí của Việt Nam

TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn	Nguyên,vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Ngân sách SNKH (đối ứng)						
-	Vốn tín dụng						
-	Vốn tự có						

16 Nguồn kinh phí của đối tác nước ngoài:

Từ Chính phủ nước đối tác: Số tiền: USD

Từ nguồn vốn vay (ODA, ...): Số tiền: USD

Từ ngân sách tự có của đối tác: Số tiền: USD

...

TT	Dự kiến các mục chi	Số lượng	Thành tiền
1	Đào tạo cán bộ, nghiên cứu sinh, sinh viên, ...		
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, triển lãm khoa học, ...		
3	Chi phí cho chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam		
4	Máy móc, trang thiết bị, kết quả nghiên cứu, ...		
5	Phần mềm tin học, tài liệu khoa học, ...		
...	...		
Tổng			

Ngày..... tháng.....năm.....

Cơ quan chủ quản

Cơ quan chủ trì

Chủ nhiệm đề tài

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên)

(*) Bản thuyết minh sơ bộ phục vụ cho việc đàm phán trong các Nghị định thư hợp tác với nước ngoài về KH&CN. Trong một số trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu viết đề cương theo mẫu này bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài)

Phụ lục II

MẪU THUYẾT MINH NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHCN, ngày 08/9/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ (*)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ			
1	Tên nhiệm vụ	2	Mã số
3	Thời gian thực hiện tháng (Từ tháng/20..... đến tháng/20.....)	4	Cấp quản lý
		NN	Bộ, Tỉnh CS
5	Thuộc Chương trình, Đề tài độc lập cấp nhà nước (nếu có)		
6	Thuộc Nghị định thư với (nước):		
Khóa hợpp ngày..... tháng năm tại			
7	Họ tên chủ nhiệm phía Việt Nam :		

• Học hàm, học vị, chuyên môn :

• Chức danh khoa học:

• Điện thoại cơ quan:

• Điện thoại nhà riêng:

• Điện thoại di động:

• E mail:

• Địa chỉ cơ quan:

• Địa chỉ nhà riêng:

8 Cơ quan chủ trì Việt Nam :

• Cơ quan chủ trì:

• Địa chỉ:

• Điện thoại:

• Fax:

• Email:

• Website:

9 Họ và tên chủ nhiệm đối tác nước ngoài:

• Học hàm, học vị, chuyên môn:

• Chức danh khoa học:

• Điện thoại cơ quan:

• Điện thoại nhà riêng:

• Điện thoại di động:

• Email:

• Tóm tắt lý lịch khoa học của đối tác (có thể có phụ lục kèm theo):

10	Cơ quan đối tác nước ngoài:
<ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: • Điện thoại: • Fax: • Email: • Website: • Tóm tắt về năng lực khoa học và công nghệ của cơ quan đối tác nước ngoài (có thể có phụ lục kèm theo): 	
11 Xuất xứ thỏa thuận đã có với đối tác nước ngoài:	
1	Thời gian ký kết thỏa thuận:
2	Cấp ký kết thỏa thuận:
3	Các nội dung thỏa thuận chính:
-	
-	
...	...
II. NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA NHIỆM VỤ	
12 Mục tiêu của Nhiệm vụ	
1	
2	
...	...
13 Tình hình nghiên cứu ở trong nước	
<ul style="list-style-type: none"> • Tình trạng nhiệm vụ Mới Kế tiếp nhiệm vụ đã kết thúc giai đoạn trước <p>Tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ (thể hiện sự hiểu biết cần thiết của tổ chức, của chủ nhiệm về lĩnh vực nghiên cứu, nắm được những công trình nghiên cứu có liên quan đến nhiệm vụ, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ ở trong nước):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu trong nước có liên quan (theo trình tự thời gian mới nhất): • Nêu và đánh giá về những khó khăn đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu về lĩnh vực nghiên cứu của Nhiệm vụ ở trong nước (về bí quyết công nghệ, về trang thiết bị để phân tích mẫu, về thời gian, ...): 	
14 Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước	
<p>Tổng quan tình hình nghiên cứu ở ngoài nước của nhiệm vụ (thể hiện sự hiểu biết cần thiết của tổ chức, chủ nhiệm về lĩnh vực nghiên cứu, nắm được những công trình nghiên cứu có liên quan đến nhiệm vụ, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của</p>	

nhiệm vụ ở ngoài nước):

Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu ở nước ngoài có liên quan (theo trình tự thời gian mới nhất):

Nêu và đánh giá việc với kinh nghiệm, tính ưu việt và khả năng đi trước của đối tác sẽ giúp giải quyết vấn đề nghiên cứu của Nhiệm vụ hiện trong nước đang gặp khó khăn:

15 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng

(Luận cứ rõ cách tiếp cận, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng, so sánh với các phương thức giải quyết tương tự khác, nêu được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của nhiệm vụ)

16 Nội dung nghiên cứu trong nước

(Liệt kê và mô tả những nội dung cần nghiên cứu, nêu bật được những nội dung mới và phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra, kể cả những dự kiến hoạt động phối hợp để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng)

17 Nội dung và kế hoạch hợp tác với đối tác nước ngoài

(Liệt kê và mô tả những nội dung và kế hoạch hợp tác với đối tác nước ngoài trong quá trình thực hiện nhiệm vụ)

18 Tiến độ thực hiện

TT	Các nội dung, công việc thực hiện chủ yếu (Các mốc đánh giá chủ yếu)	Sản phẩm phải đạt	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Người, cơ quan thực hiện
1				
2				
3				
...	...			

III. KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ

19 Dạng kết quả dự kiến của nhiệm vụ (đánh dấu ✓ vào các ô có kết quả)

I		II		III	
Mẫu (model, maket)		Quy trình công nghệ		Sơ đồ	
Sản phẩm		Phương pháp		Bảng số liệu	
Vật liệu		Tiêu chuẩn		Báo cáo phân tích	
Thiết bị, máy móc		Quy phạm		Tài liệu dự báo	
Dây chuyền công nghệ				Đề án, qui hoạch triển khai	

Giống cây trồng			Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, nghiên cứu khả thi			
Giống gia súc			Chương trình máy tính			
		Khác (các bài báo, đào tạo nghiên cứu sinh, sinh viên, ...)				
20	Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả III)					
TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học	Chú thích			
i	ii	iii	iv			
1						
2						
...	...					
21	Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả I, II)					
TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng		Dự kiến số lượng sản phẩm tạo ra	
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
i	ii	iii	iv	v	vi	vii
1						
2						
...	...					
22	Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu					
(Nêu tính ổn định của các thông số công nghệ, ghi địa chỉ khách hàng và mô tả cách thức chuyển giao kết quả,...)						
23	Các tác động của kết quả nghiên cứu					
<ul style="list-style-type: none"> • Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ <ul style="list-style-type: none"> +) +) • Đối với lĩnh vực khoa học có liên quan <ul style="list-style-type: none"> +) +) 						

<ul style="list-style-type: none"> • Đối với kinh tế - xã hội <p>+)</p> <p>+)</p>							
IV. CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ							
24	Hoạt động của các tổ chức phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ (Ghi tắt cả các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ và phần nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ, không quá 05 tổ chức/mỗi bên)						
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ			Hoạt động/đóng góp cho nhiệm vụ		
A	Phía Việt Nam						
1							
2							
...	...						
B	Phía đối tác nước ngoài						
1							
2							
...	...						
25	Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ (Ghi tắt cả các những người có đóng góp chính thuộc tất cả các tổ chức chủ trì tham gia đề tài, không quá 05 người/mỗi bên)						
TT	Họ và tên	Cơ quan công tác, tel, fax, email			Số tháng làm việc cho nhiệm vụ		
A	Phía Việt Nam						
1							
2							
...	...						
B	Phía đối tác nước ngoài						
1							
2							
...	...						
26	Liên kết với sản xuất và đời sống						
(Ghi rõ đơn vị sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu tham gia vào quá trình thực hiện và nêu rõ nội dung công việc thực hiện trong đề tài)							
V. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ							
27	Nguồn kinh phí của Việt Nam						
TT	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn	Nguyên,vật liệu, năng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác

				lượng			
1	2	3	4	5	6	7	8
-	Ngân sách SNKH (đối ứng)						
-	Vốn tín dụng						
-	Vốn tự có						
-	Thu hồi						
28	Nguồn kinh phí của đối tác nước ngoài:						
<p>- Từ Chính phủ nước đối tác: Số tiền: USD</p> <p>- Từ nguồn vốn vay (ODA, ...): Số tiền: USD</p> <p>- Từ ngân sách tự có của đối tác: Số tiền: USD</p> <p>...</p>							
TT	Cụ thể các mục chi			Số lượng	Thành tiền		
1	Đào tạo cán bộ, nghiên cứu sinh, sinh viên, ...						
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, triển lãm khoa học, ...						
3	Chi phí cho chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam						
4	Máy móc, trang thiết bị, kết quả nghiên cứu, ...						
5	Phần mềm tin học, tài liệu khoa học, ...						
...	...						
Tổng							

Cơ quan chủ quản

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm

(Ký tên)

Bộ Khoa học và Công nghệ

(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan chủ trì

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục I

DỰ TOÁN KINH PHÍ CỦA NHIỆM VỤ

TT	Nội dung các khoản chi	Thành tiền	
		Triệu đồng	Tỉ lệ %
1	Thuê khoán chuyên môn		
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng		
3	Thiết bị, máy móc chuyên dùng		
4	Đoàn ra		
5	Đoàn vào		
6	Chi khác		
Tổng cộng			100 %

Phụ lục II

GIẢI TRÌNH CỤ THỂ CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Thuê khoán chuyên môn:

TT	Nội dung thuê khoán	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Triệu đồng)
1.1	Thu thập, tổng hợp và xử lý tài liệu			
1.2	Xây dựng phương án nghiên cứu			
1.3	Thiết kế và biên soạn quy trình công nghệ			
1.4	Chế thử			
1.5	Thử nghiệm			
1.6	Khác			
Cộng				

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Triệu đồng)
2.1	Nguyên, vật liệu thí nghiệm				
2.2	Dụng cụ, phụ tùng thí nghiệm				
2.3	Năng lượng, nhiên liệu thiết yếu				
2.4	Mua sách, tài liệu, số liệu thiết yếu				
Cộng					

Khoản 3. Thiết bị, máy móc chuyên dùng (*)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Triệu đồng)
3.1	Mua thiết bị công nghệ				
3.2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường				
3.4	Thuê thiết bị				
3.5	Vận chuyển lắp đặt				
Cộng					

(*) Đối với những thiết bị, máy móc quan trọng, cần phải nêu rõ thông số kỹ thuật

Khoản 4. Đoàn ra của cán bộ Việt Nam sang nước đối tác (*)

TT	Nội dung	Số lượng	Định mức	Thành tiền (Triệu đồng)
4.1	Tiền vé máy bay			
4.2	Tiền ăn			
4.3	Tiền ở			
4.4	Tiền tiêu vặt, chi phí khác			
Cộng				

(*) Căn cứ theo các thoả thuận cụ thể về tài chính được quy định trong các Nghị định thư

Khoản 5. Đoàn vào của các chuyên gia đối tác sang Việt Nam (*)

TT	Nội dung	Số lượng	Định mức	Thành tiền (Triệu đồng)
5.1	Tiền vé máy bay			
5.2	Tiền ăn			
5.3	Tiền ở			
5.4	Tiền tiêu vặt, chi phí khác			
Cộng				

(*) Căn cứ theo các thoả thuận cụ thể về tài chính được quy định trong các Nghị định thư

Khoản 6. Chi khác

TT	Nội dung	Số lượng	Định mức	Thành tiền (Triệu đồng)
6.1	Công tác phí trong nước			
6.2	Hội nghị, hội thảo			
6.3	Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu			
-	Chi phí kiểm tra			
-	Chi phí nghiệm thu nội bộ			
-	Chi phí nghiệm thu chính thức (cấp Nhà nước, Bộ)			
6.4	Quản lý cơ sở			
6.5	Phụ cấp trách nhiệm chủ nhiệm Nhiệm vụ			
6.6	Chi khác			
-	In ấn tài liệu, văn phòng phẩm			
-	Dịch tài liệu			
...	...			
Cộng				

Phụ lục III

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT DUYỆT NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHHCN,
ngày 08/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
XÉT DUYỆT NHIỆM VỤ
NGHỊ ĐỊNH THƯ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT DUYỆT NHIỆM VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ

1. Tên Nhiệm vụ:

2. Tên cơ quan chủ trì:

3. Chủ nhiệm Nhiệm vụ:

4. Chuyên gia/thành viên Hội đồng tư vấn xét duyệt:

(họ và tên, chức danh khoa học, điện thoại và địa chỉ liên hệ)

5. Các chỉ tiêu đánh giá xét duyệt:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
I.	Giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của nội dung nghiên cứu, phương án triển khai và kết quả dự kiến	60	
1	Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước và xu hướng phát triển	5	
	• Rõ ràng	1	
	• Đầy đủ, am hiểu	4	

2	Xác định nội dung và phương pháp nghiên cứu	15	
	• Luận cứ rõ cách tiếp cận và thiết kế nghiên cứu cho vấn đề cần giải quyết	4	
	- Khoa học, chi tiết	3	
	- Mới, sáng tạo	1	
	• Nội dung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra	6	
	- Hợp lý	4	
	- Mới, sáng tạo	2	
	• Phương pháp nghiên cứu	5	
	- Phù hợp	3	
- Mới, sáng tạo	2		
3	Khả năng áp dụng kết quả nghiên cứu	20	
	• Chứng minh được sự tham gia của cơ quan tiếp nhận kết quả nghiên cứu vào quá trình thực hiện nhiệm vụ	4	
	• Tính khả thi của phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu	4	
	• Sản phẩm đầu ra rõ ràng, cụ thể	12	
	- Chi tiết hoá được loại hình sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng	4	
	- Tạo được khối lượng sản phẩm và cụ thể hoá được các chỉ tiêu chất lượng tiên tiến	4	
	- Có khả năng đăng ký cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và giải pháp hữu ích	4	
4	Giá trị gia tăng từ việc hợp tác với đối tác nước ngoài của Nhiệm vụ	20	
	• Chứng minh được vấn đề nghiên cứu hiện đang gặp nhiều khó khăn ở trong nước	4	
	• Chứng minh được kinh nghiệm, tính ưu việt và khả năng đi trước của đối tác sẽ giúp giải quyết vấn đề cần nghiên cứu.	4	
	• Có kế hoạch hợp tác cụ thể với đối tác nước ngoài	9	
	- Chi tiết phân công nhiệm vụ giữa đối tác Việt Nam và đối tác nước ngoài	3	
	- Chi tiết về mục tiêu, nội dung và thời gian các chuyến trao đổi chuyên gia của hai nước	3	
	- Tính khả thi và khoa học của kế hoạch hợp tác với đối tác nước ngoài đảm bảo đạt được kết quả nghiên cứu	3	
	• Có phương án khả thi gắn nghiên cứu với bồi dưỡng, đào tạo cán bộ KH&CN cho Việt Nam (ưu tiên đào tạo có bằng cấp và đào tạo chuyên môn sâu)	3	
II. Năng lực của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm Nhiệm vụ phía Việt Nam	15		

	Kinh nghiệm nghiên cứu và những thành tựu nổi bật của chủ nhiệm thuộc lĩnh vực nghiên cứu nhiệm vụ	6	
5	• Số năm kinh nghiệm, số đề tài đã thực hiện trong lĩnh vực nghiên cứu	2	
	• Số công trình đã công bố trên các tạp chí chuyên ngành; số công trình được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các thành tựu KH&CN liên quan khác (trong 5 năm gần nhất)	2	
	• Số công trình đã được áp dụng hoặc chuyển giao công nghệ, quy mô áp dụng,... (trong 5 năm gần nhất)	2	
6	Năng lực tổ chức quản lý của chủ nhiệm Nhiệm vụ (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch tiến độ thực hiện, các mốc phải đạt và khả năng hoàn thành, v.v...)	2	
7	Tiềm lực của tổ chức chủ trì	7	
	• Cơ sở vật chất (thiết bị, nhà xưởng, ...) hiện có để đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ	2	
	• Điều kiện đảm bảo về nhân lực, lực lượng và cơ cấu cán bộ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thành tựu nghiên cứu của những người tham gia thực hiện nhiệm vụ, ...	3	
	• Năng lực hợp tác quốc tế	2	
III.	Năng lực của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đối tác nước ngoài	15	
8	Kinh nghiệm nghiên cứu và những thành tựu nổi bật của chủ nhiệm nước ngoài thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ	8	
	• Số năm kinh nghiệm, số đề tài đã thực hiện trong lĩnh vực nghiên cứu	3	
	• Số công trình đã công bố trên các tạp chí chuyên ngành; số công trình được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các thành tựu KH&CN liên quan khác (trong 5 năm gần nhất)	3	
	• Số công trình đã được áp dụng hoặc chuyển giao công nghệ, quy mô áp dụng, ... (trong 5 năm gần nhất)	2	
9	Tiềm lực của cơ quan chủ trì nước ngoài	7	
	• Cơ sở vật chất (thiết bị, nhà xưởng, ...) hiện có để đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ	3	
	• Điều kiện đảm bảo về nhân lực, lực lượng và cơ cấu cán bộ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và thành tựu nghiên cứu của những người tham gia thực hiện nhiệm vụ, ...	2	
	• Uy tín quốc tế	2	

IV.	Tính hợp lý của kinh phí đề nghị phía Việt Nam	5	
10	Tính hợp lý, sát thực tế và có đủ luận cứ của kinh phí đề xuất, mức độ chi tiết của dự toán	2	
11	Khả năng huy động các nguồn vốn khác cho việc thực hiện nhiệm vụ	3	
V.	Đóng góp của đối tác nước ngoài	5	
12	Đào tạo cán bộ nghiên cứu Việt Nam (học bổng đào tạo, đào tạo chuyên sâu, trao đổi đoàn, ...)	2	
13	Hỗ trợ chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam	1	
14	Hỗ trợ trang thiết bị (cung cấp cho đối tác Việt Nam, hoặc cho cán bộ Việt Nam sử dụng thiết bị tại các phòng thí nghiệm của nước ngoài để phân tích mẫu, làm thí nghiệm, ...), hỗ trợ phần mềm, tài liệu khoa học.	2	
Tổng cộng		100	

6. Khuyến nghị của chuyên gia/thành viên Hội đồng tư vấn xét duyệt về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Nhiệm vụ (nếu có)

Chuyên gia/thành viên Hội đồng

(chữ ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV

MẪU HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHHCN, ngày 08/9/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ

Số: (thứ tự trong Quyết định phê duyệt kinh phí)/(năm bắt đầu thực hiện)/HĐ - NĐT

- Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Nghị định số 81/2002/NĐ-chính phủ, ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BKHHCN ngày..... tháng.... năm.... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Danh mục và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư năm

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là:

a. Bộ Khoa học và Công nghệ:

Đại diện: Ông/Bà.....

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

b. Bộ/ngành (chủ quản):

Đại diện: Ông/Bà.....

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

2. Bên nhận (Bên B) là:

a. Cơ quan chủ trì Nhiệm vụ:

Đại diện: Ông/Bà.....

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Số tài khoản Kho bạc Nhà nước:

b. Chủ nhiệm:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Hai Bên thoả thuận ký kết hợp đồng thực hiện Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

I. Đối tượng hợp đồng

Điều 1. Bên B cam kết thực hiện Nhiệm vụ: “.....” mục..... trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-BKH-CN, ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ. Thuyết minh Nhiệm vụ và các phụ lục kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Nhiệm vụ là.... tháng, từ tháng.../.... đến tháng .../....

II. Tài chính của hợp đồng

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ là:..... triệu đồng.

(Bằng chữ:..... triệu đồng)

Điều 4. Bên A có trách nhiệm cấp cho Bên B số kinh phí ghi ở Điều 3 để thực hiện Nhiệm vụ theo tiến độ sau:

Số TT	Năm	Kinh phí (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Năm		
2	Năm		
3	Năm		

Kinh phí theo tiến độ trên của Nhiệm vụ được ghi trong chỉ tiêu kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của Cơ quan chủ quản Nhiệm vụ.

Hàng năm, trên cơ sở có báo cáo tình hình thực hiện Nhiệm vụ, Bên A tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện Nhiệm vụ và khẳng định về kết quả theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh của Nhiệm vụ kèm theo Hợp đồng. Nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, Bên A có thể kiến nghị thay đổi tiến độ hoặc ngừng cấp kinh phí.

Điều 5. Bên B có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng một lần cho Bên A về tiến độ triển khai thực hiện Nhiệm vụ, báo cáo quyết toán kinh phí hoặc báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đã nhận được theo chế độ hiện hành trước khi nhận kinh phí đợt tiếp theo.

III. Trình tự giao nhận sản phẩm

Điều 6. Khi kết thúc Nhiệm vụ, Bên B chuyển cho Bên A những tài liệu và chuẩn bị đầy đủ các mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh Nhiệm vụ, các phụ lục trong Thuyết minh kèm theo Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Nhiệm vụ để đánh giá và nghiệm thu.

Điều 7. Trong thời gian 30 ngày sau khi Bên B đã thực hiện xong nội dung nêu ở Điều 6 và quyết toán kinh phí, Bên A tiến hành đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ và thanh lý Hợp đồng.

IV. Trách nhiệm của các Bên

Điều 8. Trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ:

- Nếu Bên nào nhận thấy cần đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ với những lý do chính đáng thì cần thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước 15 ngày để tiến hành xác định trách nhiệm của các Bên và lập biên bản xử lý trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Nếu có các Bên yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung Hợp đồng, hai Bên phải kịp thời thoả thuận bằng văn bản. Các thay đổi hoặc bổ sung nêu trên là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ khi nghiệm thu.

Điều 9. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo luật pháp hiện hành.

Điều 10. Hai Bên có trách nhiệm thoả thuận về quyền nộp đơn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện của Nhiệm vụ và phân chia lợi nhuận thu được từ việc chuyển giao kết quả thực hiện của Nhiệm vụ theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 11. Hai Bên có trách nhiệm bảo mật các sản phẩm khoa học theo quy định hiện hành.

Điều 12. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành tám (08) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ bốn (04) bản.

Bên A (Bên giao)

Bên B (Bên nhận)

Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì Nhiệm vụ

(Dấu, chữ ký, Ghi rõ họ và tên)

(Chữ ký, Ghi rõ họ và tên)

Cơ quan chủ quản

Cơ quan chủ trì Nhiệm vụ

(Dấu, chữ ký, Ghi rõ họ và tên)

(Dấu, chữ ký, Ghi rõ họ và tên)

Phụ lục II

Kèm theo Hợp đồng số:/...../HD - NĐT

Bảng 3: Nội dung và kết quả năm thứ nhất (.....)

TT	Các nội dung, công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Thời gian hoàn thành

Bảng 4: Nội dung và kết quả năm thứ hai (.....)

TT	Các nội dung công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Thời gian hoàn thành

Bảng 5: Nội dung và kết quả năm thứ ba (.....)

TT	Các nội dung công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Thời gian hoàn thành

Phụ lục V

MẪU BÁO CÁO HỢP TÁC QUỐC TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHCN, ngày 08/9/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ (*)

I. THÔNG TIN TỔNG QUAN:

1. TÊN NHIỆM VỤ:

2. THỜI GIAN THỰC HIỆN:

Bắt đầu:

Kết thúc:

3. ĐỐI TÁC VIỆT NAM :

a. Tên cơ quan chủ trì Việt Nam (tên, địa chỉ, website):

b. Chủ nhiệm đề tài (tên, điện thoại cơ quan, fax, email, điện thoại di động)

c. 05 cán bộ khác trực tiếp tham gia nghiên cứu (tên, điện thoại cơ quan, fax, email, điện thoại di động)

4. ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI

a. Tên Cơ quan đối tác nghiên cứu nước ngoài (tên, địa chỉ, website)

b. Chủ nhiệm đề tài (tên, điện thoại cơ quan, fax, email, điện thoại di động)

c. 05 cán bộ khác trực tiếp tham gia

5. KINH PHÍ PHÍA VIỆT NAM :

a. Tổng kinh phí:

- Tổng kinh phí:

- Kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước:

b. Kinh phí đã chi

6. KINH PHÍ CỦA ĐỐI TÁC (ƯỚC TÍNH)

II. KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ:

1. CÁC NỘI DUNG CHÍNH ĐÃ TRIỂN KHAI CỦA PHÍA VIỆT NAM

a.

b.

c.

2. CÁC NỘI DUNG HỢP TÁC CHÍNH VỚI ĐỐI TÁC:

a.

b.

c.

3. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

a. Kết quả KH&CN (mẫu, sản phẩm, giống, mô hình trình diễn; bí quyết/quy trình công nghệ, phần mềm; sơ đồ, cơ sở dữ liệu, báo cáo phân tích, bài báo đăng tải, ...)

b. Nâng cao năng lực cán bộ KH&CN của Việt Nam (số lượng cán bộ được đào tạo, bằng cấp, số đoàn trao đổi, số lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị, ...)

c. Tranh thủ trang thiết bị nghiên cứu khoa học hiện đại của đối tác (đối tác hỗ trợ trang thiết bị, hoặc cán bộ khoa học Việt Nam được nghiên cứu, sử dụng trang thiết bị hiện đại của đối tác để phân tích, làm thí nghiệm, ...)

d. Một số kết quả khác

4. ĐÁNH GIÁ:

a. Đánh giá về chất lượng kết quả KH&CN của Nhiệm vụ (có thể so sánh với một số nội dung nghiên cứu có liên quan được tiến hành trong nước từ trước đến nay).

b. ứng dụng vào thực tiễn đời sống (sản xuất, kinh doanh).

c. Đánh giá về năng lực và tính tiên tiến (đi trước, kinh nghiệm) của đối tác nước ngoài.

d. Nêu và đánh giá về tầm quan trọng của vai trò hỗ trợ của đối tác nước ngoài (rút ngắn thời gian nghiên cứu trong nước, kết quả thu được có chất lượng tương đương quốc tế, ...).

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

1. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH HỢP TÁC VỚI ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI

a.

b.

c.

2. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

a.

b.

c.

3. DỰ KIẾN CÁC NỘI DUNG SẼ TRIỂN KHAI TIẾP THEO (trên cơ sở kế thừa các kết quả của Nhiệm vụ, về triển khai trong nước cũng như với đối tác nước ngoài)

(*) Ngoài mục tiêu đánh giá trong nước, Báo cáo này sẽ được dùng cho các phiên họp kiểm điểm kết quả thực hiện các cam kết trong Nghị định thư hợp tác với nước ngoài về KH&CN. Trong một số trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu viết báo cáo này bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

Phụ lục VI

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU NHIỆM VỤ NGHỊ ĐỊNH THƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHCN, ngày 08/9/2005
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
NGHIỆM THU NHIỆM VỤ
NGHỊ ĐỊNH THƯ

..., ngày... tháng... năm...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ

1. Tên Nhiệm vụ:

2. Tên cơ quan chủ trì:

3. Chủ nhiệm Nhiệm vụ:

4. Chuyên gia/thành viên Hội đồng tư vấn nghiệm thu:

(họ và tên, chức danh khoa học, điện thoại và địa chỉ liên hệ)

5. Các chỉ tiêu đánh giá xét duyệt:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
I.	Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ so với Hợp đồng	12	
1	Tính đầy đủ về số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm của Nhiệm vụ	6	
2	Về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ	6	

	<ul style="list-style-type: none"> Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát, ... 	3	
	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá mức độ hoàn chỉnh của báo cáo khoa học, của báo cáo tóm tắt, của bản vẽ thiết kế, của tư liệu công nghệ, ... 	3	
II.	Giá trị khoa học của các kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ	12	
3	Về tính mới, tính sáng tạo của kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ	3	
	Về giá trị gia tăng từ việc hợp tác với đối tác nước ngoài của Nhiệm vụ	9	
	<ul style="list-style-type: none"> Rút ngắn thời gian nghiên cứu trong nước (thông qua việc đối tác Việt Nam nắm bắt được bí quyết/quy trình công nghệ của đối tác nước ngoài; đối tác nước ngoài chuyên giao bí quyết/quy trình công nghệ cho đối tác Việt Nam; thích hợp công nghệ vào Việt Nam; chuyển giao phần mềm, ...) 	3	
4	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ khoa học và công nghệ của Việt Nam (tiếp cận với phương pháp nghiên cứu hiện đại, đào tạo có bằng cấp, đào tạo chuyên môn sâu, ...) 	2	
	<ul style="list-style-type: none"> Công bố kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ (bài báo, ấn phẩm, ...) ở các tạp chí có uy tín trong ngoài nước (của nước đối tác, hoặc các tạp chí quốc tế khác) và mức độ trích dẫn 	2	
	- Tài liệu công bố	1	
	- Mức độ trích dẫn	1	
	<ul style="list-style-type: none"> Tranh thủ trang thiết bị nghiên cứu khoa học hiện đại của đối tác (đối tác hỗ trợ trang thiết bị, hoặc cán bộ khoa học Việt Nam được nghiên cứu, sử dụng trang thiết bị hiện đại của đối tác để phân tích, làm thí nghiệm, ...) 	2	
III.	Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN	12	
5	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng.	6	
6	Được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích	4	

	Đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội	2	
7	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm KHCN đã được đưa vào sản xuất quy mô công nghiệp hoặc đã chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế quy mô lớn (doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Nhiệm vụ hoặc đầu tư 1 đồng vốn cho Nhiệm vụ tạo ra một số hoặc nhiều đồng lợi nhuận) 	1	
	<ul style="list-style-type: none"> Cơ sở dữ liệu hoặc cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, mô hình, ... (đã được sử dụng trong các kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp có ý nghĩa thực tiễn cao, ...) 	1	
IV.	Đánh giá về tổ chức và quản lý và những đóng góp khác của Nhiệm vụ	4	
8	Đánh giá về tổ chức và quản lý của Nhiệm vụ	2	
9	Đánh giá về những đóng góp khác của Nhiệm vụ	2	
	Tổng cộng	40	

6. Kết luận của chuyên gia về việc xếp loại Nhiệm vụ

6.1. Đạt: Phải đạt 20 điểm trở lên, được chia các mức như sau:

Mức A: Từ 35 - 40 điểm, trong đó: đạt điểm tối đa về giá trị khoa học - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 2 và đạt điểm tối đa về giá trị ứng dụng - 12/12 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

Mức B: Từ 27 đến dưới 35 điểm

Mức C: Từ 20 đến dưới 27 điểm

6.2. Không đạt: Dưới 20 điểm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(chữ ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII

Mẫu Thanh lý Hợp đồng Nhiệm vụ Nghị định thư

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-BKHCHN,

ngày 08/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Bộ Khoa học và Công nghệ

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về

khoa học và công nghệ theo nghị định thư

Căn cứ Hợp đồng thực hiện Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư số/...../NDT-HĐ, ngày tháng năm ký kết giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ (cơ quan chủ quản) với (Cơ quan chủ trì) và Ông/bà (Chủ nhiệm Nhiệm vụ);

Căn cứ Thông báo quyết toán kinh phí số ngày ... tháng ... năm ...;

Căn cứ Biên bản kiểm kê, đánh giá và thanh lý bàn giao tài sản số ngày ... tháng ... năm ...,

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là:

a/ Bộ Khoa học và Công nghệ:

Đại diện: Ông/Bà.....

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

b/ Bộ/ngành (chủ quản):

Đại diện: Ông/Bà.....

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

2. Bên nhận (Bên B) là:

a/ Cơ quan chủ trì Nhiệm vụ:

Đại diện: Ông/Bà.....

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Số tài khoản Kho bạc Nhà nước:

b/ Chủ nhiệm:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Hai Bên đã trao đổi và thống nhất thanh lý Hợp đồng số/...../NDT-HĐ, ngày tháng năm như sau:

Điều 1. Bên B đã thực hiện đầy đủ những nội dung nêu trong Hợp đồng thực hiện Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ theo Nghị định thư số/...../NDT-HĐ, ngày tháng năm ký kết giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và (cơ quan chủ quản) với (Cơ quan chủ trì) và Ông/bà (Chủ nhiệm Nhiệm vụ) và đã giao nộp cho bên A đầy đủ hồ sơ, tài liệu báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Kết quả thực hiện đề tài đã được bên A tổ chức nghiệm thu theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Kinh phí Bên A đã cấp cho Bên B thực hiện Hợp đồng là đ (bằng chữ: đồng).

Kinh phí Bên B đã sử dụng là: đ (bằng chữ: đồng).

Kinh phí Bên B nộp trả Bên A là: đ (bằng chữ: đồng).

Bên B đã sử dụng và quyết toán số kinh phí nói trên theo đúng các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Biên bản thanh lý Hợp đồng được lập thành tám (08) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ bốn (04) bản.

Bên A (Bên giao)

Bên B (Bên nhận)

Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì Nhiệm vụ

(Dấu, chữ ký, Ghi rõ họ và tên)

(Chữ ký, Ghi rõ họ và tên)

Cơ quan chủ quản

Cơ quan chủ trì Nhiệm vụ

(Dấu, chữ ký, Ghi rõ họ và tên)

(Dấu, chữ ký, Ghi rõ họ và tên)